

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 20/01/2025  
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kim Ngọc**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Võ Văn Lương**

**Ông Cao Văn Vạn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số : 571/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 571/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Mỹ L**, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Minh T**, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 18/10/2024 nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày:* chị L và anh Lê Minh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1992 sống với nhau do không hợp tính tình chị đã xin ly hôn nhưng đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn lại, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm rồi vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc N sinh năm 1993 và Lê Thị Ngọc T1 sinh năm 2003, các con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Trần Thị Mỹ L xin ly hôn với anh Lê Minh T.

*Theo bản tự khai ngày 13/12/2024 và đơn xin vắng mặt bị đơn anh Lê Minh T trình bày:* Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ L, con chung Lê

Thị Ngọc N, sinh năm 1993 và Lê Thị Ngọc T1, sinh năm 2003 đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Xét thấy, bị đơn anh Lê Minh T cư trú: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Trần Thị Mỹ L và anh Lê Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Mỹ L trình bày, chị và anh Lê Minh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm năm 1992 do không hợp tính tình nên đã ly hôn nhưng đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn lại theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 01/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ đó đến nay; Còn anh Lê Minh T trình bày tại tờ tự khai ngày 13/12/2024, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị L. Xét thấy, chị L, anh T thống nhất ly hôn, từ khi ly thân đến nay anh, chị không còn quan tâm nhau nữa, tình cảm vợ chồng thật sự không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Chị L, anh T có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1993 và Lê Thị Ngọc T1, sinh năm 2003 đã trưởng thành, lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các

điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Lê Minh T.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002615 ngày 12/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên xem đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Cẩm Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kim Ngọc**